

Phần hai: NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thời gian ban hành và hiệu lực của Luật Dân quân tự vệ, vị trí, chức năng, thành phần, ngày truyền thống của lực lượng Dân quân tự vệ

a) Thời gian ban hành Luật Dân quân tự vệ

Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 23/11/2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2010. Sau hơn 9 năm thực hiện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Dân quân tự vệ, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, cơ sở.

Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến Dân quân tự vệ chưa được thể chế và cụ thể hóa trong Luật Dân quân tự vệ năm 2009. Một số quy định của Luật chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng và pháp luật có liên quan. Nhiều vấn đề mới phát sinh trên thực tiễn liên quan đến Dân quân tự vệ chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ, đã bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc, bất cập trong xây dựng, huấn luyện, đào tạo, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ...

Để xây dựng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh; cùng với Quân đội nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22/11/2019, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã biểu quyết thông qua Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, thay thế Luật Dân quân tự vệ năm 2009. Luật Dân quân tự vệ năm 2019, gồm: 08 chương, 50 điều (so với Luật năm 2009, giảm 01 chương, 16 điều).

Việc xây dựng, ban hành Luật Dân quân tự vệ (sửa đổi) là cần thiết, thể hiện ở một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, để phù hợp với chủ trương, quan điểm mới của Đảng về bảo vệ Tổ quốc. Từ năm 2009 đến nay, Đảng ta đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, an ninh liên quan đến Dân quân tự vệ cần được thể chế, như: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định quan điểm “chú trọng xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ”; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đã có phát triển mới về xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng như “sẵn sàng vũ trang toàn dân bảo vệ Tổ quốc”; điều chỉnh Tổ chức Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ theo hướng “cân đối giữa bộ

đội chủ lực và bộ đội địa phương, xây dựng Dân quân tự vệ rộng khắp, có chất lượng cao”; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về Chiến lược quốc phòng Việt Nam, xác định: khi xảy ra chiến tranh xâm lược chủ động thực hiện phương châm “làng giữ làng, bản giữ bản, xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh, xây dựng Dân quân tự vệ rộng khắp, chất lượng cao, hiệu quả thiết thực, phù hợp với từng địa bàn, loại hình tổ chức kinh tế, xã hội, đổi mới mô hình tổ chức, huấn luyện, hoạt động của Dân quân tự vệ. Tập trung xây dựng dân quân thường trực các tỉnh biên giới, địa bàn trọng điểm và Dân quân tự vệ biên”; Kết luận số 31-KL/TW, ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về Chiến lược quân sự Việt Nam, xác định “xây dựng đồng bộ, phù hợp giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và Dân quân tự vệ”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) chỉ rõ: “Coi trọng việc xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ hoạt động trên biển, đảo”.

Thứ hai, để phù hợp với Hiến pháp và pháp luật mới. Hiến pháp năm 2013 quy định “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân”; “Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân”; “Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng”; “Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại... lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng”. Từ năm 2009 đến nay, Quốc hội đã ban hành một số luật liên quan đến Dân quân tự vệ, như: Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; Luật Biển Việt Nam năm 2012, Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Giáo dục năm 2015, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, Luật Quốc phòng năm 2018, Luật Cảnh sát biển Việt Nam năm 2018, Luật Công an nhân dân năm 2018 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác. Trong khi đó, Luật Dân quân tự vệ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật có nhiều quy định không còn phù hợp, thiếu thống nhất, chưa đầy đủ, đồng bộ với các Luật nêu trên và hệ thống pháp luật hiện hành về: Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Dân quân tự vệ; nhiệm vụ, tổ chức, thành phần Dân quân tự vệ; độ tuổi, tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; tiêu chuẩn tuyển chọn, đăng ký, quản lý, thôi trước thời hạn, nghỉ thai sản, đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ; hệ thống chỉ huy Dân quân tự vệ; tổ chức Dân quân tự vệ thường trực, biển; điều kiện tổ chức đơn vị tự vệ trong tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp; thôn đội, thôn đội trưởng; Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; thẩm quyền thành lập, giải thể đơn vị Dân quân tự vệ; đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp Quân đội; đào tạo cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã; huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách, kinh phí bảo đảm cho Dân quân tự vệ.

Thứ ba, để khắc phục những hạn chế, thiếu sót của Luật Dân quân tự vệ năm 2009. Qua tổng kết thực hiện Luật Dân quân tự vệ, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác Dân quân tự vệ đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập ảnh hưởng đến chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng Dân quân tự vệ. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế, bất cập về công tác Dân quân tự vệ là do một số quy định của Luật Dân quân tự vệ năm 2009 và các văn bản thi hành Luật còn vướng mắc, bất cập, chưa thể chế đầy đủ quan điểm, chủ trương mới của Đảng, chưa cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về Dân quân tự vệ và chưa phù hợp với thực tiễn đất nước.

Thứ tư, xuất phát từ vai trò của lực lượng Dân quân tự vệ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước đây và dự báo chiến tranh nếu xảy ra trong tương lai, ở bất kỳ quy mô, hình thái, phương thức chiến tranh nào thì Dân quân tự vệ luôn là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở; thực hiện phương châm toàn dân, toàn diện, tự lực, tự cường, làng giữ làng, xã giữ xã. Dân quân tự vệ là lực lượng phát hiện và đánh địch ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh; trụ bám địa bàn, căng kéo, kim hãm, quần lộn, tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, buộc địch phải phân tán đối phó, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và lực lượng của cấp trên tác chiến địa bàn. Vì vậy, xây dựng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp là vấn đề có ý nghĩa chiến lược cần phải thực hiện ngay từ thời bình, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, sẵn sàng chuyển sang thế trận chiến tranh nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

b) Vị trí, chức năng; thành phần; ngày truyền thống của lực lượng Dân quân tự vệ

*** Vị trí, chức năng của Dân quân tự vệ (Điều 3):**

Điều 3, Luật Dân quân tự vệ năm 2019 đã bổ sung hoàn chỉnh địa vị pháp lý về vị trí, chức năng của Dân quân tự vệ:

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác; là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là lực lượng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn gọi là dân quân; được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là tự vệ.

*** Thành phần của Dân quân tự vệ (Điều 6):**

Điều 6, Luật Dân quân tự vệ năm 2019 quy định thành phần của Dân quân tự vệ gồm: Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân tự vệ cơ động; Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ biển; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

Như vậy, Luật này đã quy định dân quân thường trực là một trong những thành phần của Dân quân tự vệ, không luân phiên trong dân quân cơ động để khẳng định địa vị pháp lý của dân quân thường trực, phù hợp với thực tế hiện nay các địa phương đã và đang thực hiện.

- Dân quân tự vệ tại chỗ: là lực lượng được tổ chức và hoạt động ở thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là thôn) và ở cơ quan, tổ chức làm nhiệm vụ tại chỗ, sẵn sàng tăng cường cho Dân quân tự vệ cơ động.

- Dân quân tự vệ cơ động: là lực lượng được tổ chức thành các đơn vị sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ trên các địa bàn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Dân quân thường trực: là lực lượng gồm những công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, được tuyển chọn vào phục vụ có thời hạn trong các đơn vị Dân quân tự vệ.

- Dân quân tự vệ biên: là lực lượng được tổ chức ở cấp xã ven biển, xã đảo và cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển để làm nhiệm vụ trên các vùng biển Việt Nam.

- Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế: là lực lượng thuộc Dân quân tự vệ nòng cốt đảm nhiệm công tác chuyên môn, chuyên ngành theo quy định.

*** Ngày truyền thống của Dân quân tự vệ (Điều 7)**

Ngày 28 tháng 3 hằng năm là ngày truyền thống của Dân quân tự vệ.

2. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Dân quân tự vệ. Nhiệm vụ của Dân quân tự vệ

a) Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Dân quân tự vệ (Điều 4)

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ huy cao nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, người chỉ huy đơn vị quân đội.

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và hệ thống chính trị để thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp; tổ chức, biên chế của Dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

Điều 4, Luật Dân quân tự vệ năm 2019, đã bổ sung quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động, đó là: sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và người chỉ huy đơn vị Quân đội vào trong nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Dân quân tự vệ để bảo đảm chặt chẽ nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với Dân quân tự vệ và phù hợp với thực tế.

b) Nhiệm vụ của Dân quân tự vệ (Điều 5)

- Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

- Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

- Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

So với Luật Dân quân tự vệ năm 2009, tại Điều 5 của Luật này kế thừa và bổ sung nhiệm vụ “Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền” để thống nhất với Luật Quốc phòng năm 2018), đáp ứng yêu cầu hoạt động của Dân quân tự vệ trong tình hình mới, các hình thái chiến tranh mới trong tương lai, phù hợp với khả năng của Dân quân tự vệ.

3. Độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình. Tiêu chuẩn, tuyển chọn và thẩm quyền quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ

a) Độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình (Điều 8):

- Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; nếu tình nguyện tham gia Dân quân tự vệ thì có thể kéo dài đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ.

- Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ tại chỗ, Dân quân tự vệ cơ động, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là 04 năm; dân quân thường trực là 02 năm.

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương, cơ quan, tổ chức, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ được kéo dài nhưng không quá 02 năm; đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ được kéo dài hơn nhưng không quá độ tuổi quy định tại khoản 1 Điều này.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định kéo dài độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quy định tại Điều này.

Điều 8 của Luật năm 2019, quy định thời hạn tham gia dân quân thường trực là 02 năm; đồng thời, bổ sung quy định đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ để khắc phục tình trạng một số địa phương, cơ quan tổ chức thiếu người để tổ chức hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ. Tại Điều 9, bổ sung quy định lồng ghép đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ với đăng ký nghĩa vụ quân sự, nhằm cải cách hành chính, tiết kiệm thời gian, nguồn lực của công dân và cơ quan, tổ chức

b) Tiêu chuẩn, tuyển chọn và thẩm quyền quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ (Điều 10)

- Công dân Việt Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, có đủ các tiêu chuẩn sau đây được tuyển chọn vào Dân quân tự vệ:

+ Lý lịch rõ ràng;

+ Chấp hành nghiêm đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

+ Đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của Dân quân tự vệ.

- Việc tuyển chọn vào Dân quân tự vệ được quy định như sau:

+ Bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật;

+ Hằng năm, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; nơi không có đơn vị hành chính cấp xã do Ban chỉ huy quân sự cấp huyện trực tiếp tuyển chọn.

- Quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được tuyển chọn vào đơn vị Dân quân tự vệ.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

II. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ (Điều 33)

- Các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ quy định tại Điều 19 của Luật này được hưởng phụ cấp chức vụ.

- Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp hằng tháng, bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; nếu chưa tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc thì được trợ cấp một lần.

- Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.

- Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên.

- Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp hằng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ Tiểu đội trưởng hoặc Trung đội trưởng dân quân tại chỗ.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

2. Chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ (Điều 34)

** Chế độ, chính sách đối với dân quân khi làm nhiệm vụ được quy định như sau:*

- Đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế được trợ cấp ngày công lao động, bảo đảm tiền ăn; được hưởng chế độ khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động; được trợ cấp ngày công lao động tăng thêm trong trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

Khi làm nhiệm vụ trên biển được hưởng phụ cấp đặc thù đi biển; khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày thì được bố trí nơi nghỉ, bảo đảm phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu, xe một lần đi và về;

- Đối với dân quân biển được hưởng chế độ, chính sách quy định tại điểm a khoản này; khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn tăng thêm; trường hợp là thuyền trưởng, máy trưởng được hưởng phụ cấp trách nhiệm tính theo ngày thực tế hoạt động trên biển;

- Đối với dân quân thường trực được hưởng chế độ, chính sách quy định tại điểm a khoản này; được hưởng trợ cấp một lần khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình; được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ; được bảo đảm nơi ăn, nghỉ.

** Chế độ, chính sách đối với tự vệ khi làm nhiệm vụ được quy định như sau:*

Đối với tự vệ khi làm nhiệm vụ được hưởng nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp, công tác phí, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; đối với tự vệ biển khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng thêm lương, ngạch bậc và tiền ăn tính theo ngày thực tế hoạt động trên biển.

- Cấp nào quyết định Dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ thì cấp đó có trách nhiệm bảo đảm chế độ, chính sách.

- Chính phủ quy định mức bảo đảm chế độ, chính sách cho từng thành phần Dân quân tự vệ quy định tại Điều này.

3. Chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh (Điều 35)

- Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ hoặc đang là học viên đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở thì được hưởng chế độ, chính sách sau đây:

+ Trường hợp không tham gia bảo hiểm y tế, nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

+ Trường hợp không tham gia bảo hiểm xã hội, nếu bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí;

+ Trường hợp bị thương thì được xét hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh thì được xét công nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

- Dân quân khi thực hiện biện pháp triệt sản, dân quân nữ khi thực hiện biện pháp đặt vòng tránh thai, dân quân nam có vợ sinh con được nghỉ thực hiện nhiệm vụ Dân quân tự vệ; thời gian được nghỉ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Chính phủ quy định điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Nguồn kinh phí (Điều 36)

- Ngân sách nhà nước bảo đảm cho Dân quân tự vệ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và địa phương. Việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Kinh phí bảo đảm cho tự vệ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại Điều 39 của Luật này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo chế độ kế toán tài chính áp dụng đối với các đơn vị.

- Các nguồn thu hợp pháp khác.

- Đối với địa phương khó khăn về ngân sách được ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí để thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách trung ương.

5. Nhiệm vụ chi của địa phương (Điều 38)

- Xây dựng và thực hiện đề án, dự án, kế hoạch nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ của địa phương.

- Đăng ký, khám sức khỏe, tuyển chọn, quản lý, tổ chức xây dựng lực lượng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập, hoạt động của Dân quân tự vệ thuộc quyền; xây dựng kế hoạch và thực hiện quyết định mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.

- Thông tin, tuyên truyền về Dân quân tự vệ; hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của Dân quân tự vệ do địa phương tổ chức.

- Bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 33, khoản 1 Điều 34 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ phụ cấp các chức vụ trong Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành trung ương, tổ chức kinh tế.

- Bảo đảm chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh theo quy định tại Điều 35 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Mua sắm trang phục, phù hiệu cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, dân quân, tự vệ của cơ quan, tổ chức của địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật này.

- Vận chuyển, sửa chữa, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, phương tiện, trang bị kỹ thuật; bảo đảm vũ khí thô sơ; công cụ hỗ trợ, phương tiện, trang bị thiết yếu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị Dân quân tự vệ.

- Xây dựng mới, sửa chữa kho tàng, công trình chiến đấu cho Dân quân tự vệ trong khu vực phòng thủ; nơi ăn, nghỉ của dân quân thường trực; trụ sở hoặc nơi làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự do địa phương giao cho Dân quân tự vệ đảm nhiệm.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ theo thẩm quyền.

- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác Dân quân tự vệ theo thẩm quyền.

- Các nhiệm vụ chi khác cho Dân quân tự vệ của địa phương theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền giao.

6. Nhiệm vụ chi của cơ quan, tổ chức (Điều 39)

- Đăng ký, khám sức khỏe, tuyển chọn, quản lý, tổ chức xây dựng lực lượng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập, hoạt động của tự vệ thuộc quyền.

- Thông tin, tuyên truyền về Dân quân tự vệ; hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của Dân quân tự vệ thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

- Bảo đảm phụ cấp các chức vụ của Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành trung ương, tổ chức kinh tế; chế độ, chính sách cho tự vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Mua sắm trang phục, phù hiệu cho Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và tự vệ của cơ quan, tổ chức mình.

- Vận chuyển, sửa chữa, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền cấp; mua sắm, sửa chữa, bảo quản vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật thiết yếu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị tự vệ.

- Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác tự vệ theo thẩm quyền.

- Các nhiệm vụ chi khác cho tự vệ của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Về chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ được quy định tại Chương V, gồm 07 điều (từ Điều 33 đến Điều 39), quy định về: chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với

các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ; chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ; chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ bị ốm, bị tai nạn, bị chết, bị thương, hy sinh... Đây là một trong những chính sách mới được bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ trong tình hình mới, phù hợp với thực tế các địa phương đã và đang thực hiện. Theo đó, từ ngày 01/7/2020, dân quân thường trực sẽ được: trợ cấp ngày công lao động; bảo đảm tiền ăn (trước đây chỉ bố trí nơi ăn, nghỉ); hưởng chế độ khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; trợ cấp ngày công lao động tăng thêm trong trường hợp kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ; hưởng trợ cấp 01 lần khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình; hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội đang tại ngũ.

III. THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

1. Thi đua, khen thưởng (Điều 46)

- Cơ quan quân sự địa phương các cấp, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ.

- Tổ chức phong trào thi đua trong Dân quân tự vệ gắn với phong trào thi đua của cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân và Dân quân tự vệ có thành tích trong thực hiện công tác Dân quân tự vệ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm (Điều 47)

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức kỷ luật Dân quân tự vệ (Điều 48)

- Đối với chiến sĩ Dân quân tự vệ áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

+ Khiển trách;

+ Cảnh cáo;

+ Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.

- Đối với các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

+ Khiển trách;

+ Cảnh cáo;

+ Giáng chức;

+ Cách chức;

- + Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với Dân quân tự vệ quy định tại Điều này.

KẾT LUẬN

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác; là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là lực lượng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

Trong tình hình mới, tình hình khu vực, thế giới có những diễn biến phức tạp nên nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc có những yêu cầu, nhiệm vụ cao hơn; mặt khác, những cuộc xung đột vũ trang, chiến tranh vũ khí công nghệ cao, chiến tranh phi truyền thống, chiến tranh không gian mạng, chống bạo loạn, biểu tình, lật đổ hay việc biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn... vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Do đó, việc xây dựng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp là vấn đề có ý nghĩa chiến lược cần phải thực hiện ngay từ thời bình, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Dân quân tự vệ là một bộ phận quan trọng của lực lượng vũ trang nhân dân, được tổ chức, xây dựng vững mạnh, rộng khắp, không tách rời quá trình lao động sản xuất, công tác nên việc xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ luôn gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì thế, trong tình hình mới, việc tập trung nguồn lực phát triển Dân quân tự vệ có cơ cấu, số lượng hợp lý, chất lượng tốt, giải quyết các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương, cơ sở và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, có khả năng cơ động thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn... là hết sức cần thiết.